TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VỊ THỦY** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 22 - 8- 2022
V/v tranh chấp về ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VỊ THỦY, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Quyền Trân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Em

2. Ông Nguyễn Đông Hà

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Thông - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang *tham gia phiên toà:* Bà Lê Thị Mỹ Phương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 123/2022/TLST-HNGĐ, ngày 31 tháng 5 năm 2022 về tranh chấp về ly hôn và nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2022 và Thông báo hoãn phiên tòa số 181/2022/TB-TA ngày 15 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Võ Thị Mỹ T, sinh năm 1989

Địa chỉ: ấp Q, xã Đ, huyện V, tỉnh H.

2. Bị đơn: Anh Bùi Văn L, sinh năm 1989

Địa chỉ: ấp Q, xã Đ, huyện V, tỉnh H.

(Nguyên đơn và bị đơn có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Võ Thị Mỹ T trình bày: Hôn nhân của chị với bị đơn anh Bùi Văn L là tự

nguyện, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn theo quy định. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc nhưng đến khoảng tháng 5 năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống nên anh chị đã ly thân từ đó cho đến nay. Do đó, chị T yêu cầu ly hôn với anh L; Chị và anh L có hai người con chung là cháu Bùi Ái V, sinh ngày 10/11/2012 và cháu Bùi Sỹ A, sinh ngày 06/12/2018, cả hai con chung đang sống cùng chị. Khi ly hôn chị T yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung và yêu cầu bị đơn phải cấp dưỡng nuôi con theo quy định; về tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn anh Bùi Văn L trình bày: Hôn nhân của anh với chị Võ Thị Mỹ T là tự nguyện, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn theo quy định. Sau khi kết hôn thì anh chị chung sống hạnh phúc cho đến khoảng tháng 02/2022 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do chị T bất đồng ý kiến với cha mẹ chồng nên chị T đã về nhà cha mẹ vợ sinh sống, anh và chị T đã ly thân hơn 02 tháng nay. Anh không muốn ly hôn nhưng nếu chị T kiên quyết ly hôn thì anh cũng đồng ý ly hôn; Anh và chị T có hai người con chung là cháu Bùi Ái V, sinh ngày 10/11/2012 và cháu Bùi Sỹ A, sinh ngày 06/12/2018, cả hai con do chị T đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn, anh đồng ý cho chị T được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung, nếu chị T không có khả năng nuôi dưỡng các con thì anh sẽ nuôi các con, anh không đồng ý cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung và nợ chung không có.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của đương sự là đúng pháp luật; Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn; về con chung giao cho nguyên đơn tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung và buộc bị đơn phải cấp dưỡng nuôi con theo quy định; về tài sản chung và nợ chung không có nên không xem xét; về án phí hôn nhân gia đình và sơ thẩm buộc các đương sự chịu theo quy định pháp luật; về yêu cầu, kiến nghị khắc phục vi phạm là không có.

Các tình tiết mà các bên đã thống nhất: Hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn là tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định; có hai con chung do nguyên đơn đang trực tiếp nuôi dưỡng; tài sản chung và nợ chung đều không có.

Các tình tiết mà các bên không thống nhất: Bị đơn không thuận tình ly hôn với nguyên đơn; bị đơn đồng ý giao cả hai con chung cho nguyên đơn nuôi

dưỡng nhưng không đồng ý với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của nguyên đơn. Trường hợp nguyên đơn không có khả năng nuôi con thì bị đơn sẽ nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Áp dụng pháp luật về tố tụng: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với bị đơn, yêu cầu được nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Thời điểm nguyên đơn khởi kiện thì bị đơn có địa chỉ tại huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, để xác định quan hệ tranh chấp thuộc trường hợp "Tranh chấp về ly hôn, nuôi con", thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang. Tại văn bản ngày 13/6/2022, nguyên đơn có nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Nhưng tại phiên tòa nguyên đơn có mặt, để đảm bảo quyền L cho đương sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho nguyên đơn tham gia phiên tòa.

[2] Áp dụng pháp luật về nội dung: Vào ngày 28/5/2012, giữa nguyên đơn với bị đơn xác lập quan hệ hôn nhân (đăng ký kết hôn) nên áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 và năm 2014 để giải quyết tranh chấp.

[3] Về hôn nhân: Nguyên đơn chị Võ Thị Mỹ T với bị đơn anh Bùi Văn L đăng ký kết hôn vào ngày 28/5/2012 tại Ủy ban nhân dân xã V. Thời điểm anh chị đăng ký kết hôn, thì anh chị đã đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 nên hôn nhân giữa anh chị được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn thì anh chị sống hạnh phúc, nhưng đến nửa cuối năm 2021 đầu năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau nên anh chị đã ly thân từ đó cho đến nay. Chị T nhận thấy hôn nhân không còn hạnh phúc nên yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L. Theo biên bản xác minh ngày 01/6/2022, chị T và anh L có hai người con chung, về nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến yêu cầu ly hôn giữa anh chị thì chính quyền địa phương không rõ. Tại phiên tòa, chị T vẫn yêu cầu ly hôn với anh L; về phía bị đơn anh L mặc dù không muốn ly hôn nhưng nếu chị T kiên quyết ly hôn thì anh L cũng đồng ý ly hôn. Như vậy, từ

khi xảy ra mâu thuẫn cho đến nay là một thời gian dài, các bên không có thiện chí khắc phục mâu thuẫn để xây dựng hạnh phúc gia đình và chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ.

[4] Về nuôi dưỡng con chung: Giữa chị T với anh L có hai người con chung là cháu Bùi Ái V, sinh ngày 10/11/2012 và cháu Bùi Sỹ A, sinh ngày 06/12/2018. Cháu Bùi Ái V và cháu Bùi Sỹ A đều do chị T đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được nuôi dưỡng cả hai con chung. Về phía anh L đồng ý giao cả hai con chung cho chị T nuôi dưỡng. Theo biên bản ghi nhận ý kiến ngày 01/8/2022, cháu Bùi Ái V có nguyện vọng được sống chung với mẹ. Theo biên bản xác minh ngày 01/6/2022, thì anh chị có hai người con chung và đã cùng chị T về bên nhà mẹ ruột của chị T sinh sống. Xét thấy, nguyên đơn chị T đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung từ khi ly thân cho đến nay. Do đó, để ổn định về tâm lý cũng như sự phát triển toàn diện của các cháu và cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Bùi Ái V, nên tiếp tục giao cả hai con chung cho chị T nuôi dưỡng là có căn cứ.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung và yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật. Về phía anh L mặc dù đồng ý cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng cả hai con chung nhưng không đồng ý cấp dưỡng nuôi con với lý do nếu chị T không có khả năng nuôi con thì giao con lại cho anh nuôi dưỡng và anh cũng không yêu cầu cấp dưỡng. Theo Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con", do cả hai con chung được giao cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng và nguyên đơn có yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con theo quy định với số tiền cấp dưỡng hàng tháng là 745.000 đồng/cháu. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp quy định; Đối với mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng, theo Điều 116, Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và hướng của Tòa án nhân dân tối cao thì mức cấp dưỡng tối thiểu không dưới 1/2 mức lương cơ sở do Nhà nước quy định tại thời điểm xét xử đối với 01 người con, mức lương cơ sở hiện nay là 1.490.000 đồng. Xét thấy, để đảm bảo về điều kiện tài chính nuôi dạy con chung về sau, nên việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con với số tiền là 745.000 đồng/cháu/tháng là có căn cứ. Do đó,

cần thiết phải buộc bị đơn cấp dưỡng cho cháu Bùi Ái V, sinh ngày 10/11/2012 và cháu Bùi Sỹ A, sinh ngày 06/12/2018 với số tiền là 745.000 đồng/cháu/tháng, phương thức cấp dưỡng là hàng tháng, thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án cho đến khi nghĩa vụ cấp dưỡng được chấm dứt theo Điều 118 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thoả thuận; nếu không thoả thuận được thì yêu cầu Toà án giải quyết.

[6] Về tài sản chung và nợ chung không có nên Tòa án không xem xét.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn theo quy định; Bị đơn phải chịu án phí cấp dưỡng theo quy định.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định.

Do đó, ý kiến của Kiểm sát viên đề xuất hướng giải quyết vụ án là có căn cứ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 5, Điều 6, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 147, Điều 271, Điều 272, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 9, 11, 89, 91 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; các Điều 57, 81, 82, 83, 116, 117, 118, 131 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về hôn nhân: Cho chị Võ Thị Mỹ T với anh Bùi Văn L được ly hôn.

2. Về nuôi dưỡng con chung: Giao cháu Bùi Ái V, sinh ngày 10 tháng 11 năm 2012 và cháu Bùi Sỹ A, sinh ngày 06 tháng 12 năm 2018 cho chị Võ Thị Mỹ T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Bùi Văn L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Bùi Ái V, sinh ngày 10 tháng 11 năm 2012 và cháu Bùi Sỹ A, sinh ngày 06 tháng 12 năm 2018 với số tiền là 745.000 đồng (bảy trăm bốn mươi lăm nghìn đồng)/cháu/tháng, phương thức cấp dưỡng là hàng tháng, thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày Tòa án tuyên án cho đến khi nghĩa vụ cấp dưỡng được chấm dứt theo Điều 118 của Luật hôn nhân và gia đình.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thoả thuận; nếu không thoả thuận được thì yêu cầu Toà án giải quyết.

Kể từ ngày tuyên án (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về tài sản chung và nợ chung đều không có nên không xem xét.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Án phí ly hôn: Chị Võ Thị Mỹ T phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002843, ngày 31 tháng 5 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang thành án phí. Chị Võ Thị Mỹ T đã nộp xong, không phải nộp thêm.

Án phí cấp dưỡng: Anh Bùi Văn L phải nộp số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vị Thuỷ, tỉnh Hậu Giang.

6. Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại Trụ sở ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND huyện Vị Thủy;
- Chi cục THADS huyện Vị Thủy;
- UBND xã Vị Đông, huyện Vị Thủy;
- Cổng TTĐTTANDTC;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thị Quyền Trân